

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON ĐĂNG LÂM

Số: 73/QĐ-MNĐL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đăng Lâm, ngày 18 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán các khoản thu chi năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON ĐĂNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy Ban nhân dân quận Hải An về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2022 của trường mầm non Đăng Lâm (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Tổ trưởng Văn phòng, bộ phận tài chính kế toán, các bộ phận có liên quan trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Thảo Nguyên

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ - MNĐL ngày 18/10/2022 của Trường mầm non Đăng Lâm)

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
1	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
1.2	Mức thu (203.000đ/HS/tháng)	0
1.3	Tổng số thu trong năm	0
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	0
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	0
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	0
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	0
	- Chi khác	0
1.7	Số dư cuối năm	0
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	0
2	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	
2.1	Vận động tài trợ xã hội hóa	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
2.1.2	Tổng số thu trong năm	160.000.000
2.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	160.000.000
2.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	160.000.000
2.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi tăng cường cơ sở vật chất	160.000.000
2.1.6	Số dư cuối năm	0
3	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
3.1	Tiếng Anh tăng cường	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	3.971.375
3.1.2	Mức thu trong tháng (160.000đ/HS/ tháng)	29.600.000
3.1.3	Tổng số thu trong năm	266.400.000
3.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	296.000.000
3.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	296.000.000
3.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng cho trung tâm dạy học	222.000.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	14.800.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo cho GVNV	29.600.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo nhà trường	23.680.000
	- Chi khác:	5.920.000
3.1.7	Số dư cuối năm	0
4	Dịch vụ: trông giữ xe, căng tin, bán trú... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1	Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.1.2	Mức thu (140.000đ/HS/tháng)	89.460.000
4.1.3	Tổng số thu năm	628.254.000

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Dự toán
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng năm	628.254.000
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	628.254.000
4.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: -Chi bù lương tối thiểu vùng cho NVNA	308.996.000
	-Chi cho người nấu ăn, chăm ăn	319.258.000
4.1.7	Số dư cuối năm	0
4.2	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.2.2	Mức thu (264.000đ/HS/tháng)	168.696.000
4.2.3	Tổng số thu năm	1.185.624.000
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng năm	1.185.624.000
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	1.185.624.000
4.2.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: -Chi cho người tham gia	1.185.624.000
4.2.7	Số dư cuối năm	0
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.200.000.000
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	4.700.000.000
	Chi thanh toán điện, nước...	217.000.000
	Chi mua sắm sửa chữa	283.000.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	31.000.000
	Chi mua sắm sửa chữa	1.055.000.000
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	10.076.065
	Mức bình quân (đ/người/năm)	8.176.865
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	5.303.968
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	10.238.244
	Mức bình quân (đ/người/năm)	7.442.992
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	4.470.671
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	266.000
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	2.832.000

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

Vũ Thanh Hương
Vũ Thanh Hương

Đảng Lâm, ngày 18 tháng 10 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Thị Thảo Nguyễn